

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Số: /SNN&PTNT-TL
V/v hoàn thiện phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Công văn số 5237/UBND-KTTC ngày 28/4/2020; số 12245/UBND-KTTC ngày 04/9/2020 về việc báo cáo, hoàn thiện phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của địa phương.

Trên cơ sở rà soát giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi của các Công ty Khai thác công trình thủy lợi, báo cáo kết quả thẩm định phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021 của Sở Tài chính tại Công văn số 4652/STC-TCDN ngày 10/9/2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo, kính đề nghị UBND tỉnh có văn bản báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp gửi Bộ Tài chính quy định giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 và khung giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác (*có dự thảo văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính kèm theo*).

Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh xem xét và ký văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TL.

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-KTTC
V/v báo cáo phương án giá sản phẩm,
dịch vụ thủy lợi năm 2021.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

DỰ THẢO

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;

Thực hiện Công văn số 649/TCTL-QLCT ngày 23/4/2020 của Tổng cục Thủy lợi về việc rà soát giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi tỉnh Thanh Hóa, Công văn số 6047/BNN-TCTL ngày 03/9/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc đôn đốc xây dựng phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

Trên cơ sở báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tài chính Thanh Hóa tại Công văn số 4652/STC-TCDN ngày 10/9/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị đơn giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa như sau:

1. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Đơn giá tối đa sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi, trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 bằng 1,51 lần mức giá tối đa quy định tại Quyết định số 1050^a/QĐ-BTC ngày 30/6/2018 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

TT	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa			
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Sông Mã đề nghị
	Tỷ lệ tăng giá so với Quyết định số 1050a/2018/QĐ-BTC		1,51	1,31	1,61	1,87
I	Mức giá tưới, tiêu chủ động đối với diện tích đất trồng lúa					
1	Vùng đồng bằng					
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.000 đồng/ha/vụ	2.163	1.878	2.313	2.682
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.000 đồng/ha/vụ	1.515	1.314	1.615	1.876
-	Tưới tiêu kết hợp	1.000 đồng/ha/vụ	1.839	1.596	1.961	2.278
2	Vùng miền núi					
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.000 đồng/ha/vụ	2.735	2.372	2.916	3.387
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.000 đồng/ha/vụ	1.913	1.660	2.040	2.369
-	Tưới tiêu kết hợp	1.000 đồng/ha/vụ	2.324	2.016	2.478	2.878
II	Mức giá đối với diện tích trồng mạ, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông được tính bằng 40% mức giá đối với đất trồng lúa					
III	Mức giá đối với sản xuất muối được tính bằng 2% giá trị muối thành phẩm					
IV	Mức giá đối với cấp nước để nuôi trồng thủy sản	đồng/m ² mặt thoáng/năm	378	328	403	468
V	Mức giá cấp nước tưới các cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu mức giá bằng 80% mức giá đối với đất trồng lúa cho một năm theo quy định.					
VI	Các trường hợp biện pháp tưới tiêu khác					
1	Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì mức giá bằng 60% mức giá tưới, tiêu chủ động.					
2	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì mức giá bằng 40% trường hợp tưới, tiêu chủ động trọng lực.					
3	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì mức giá bằng 50% trường hợp tưới, tiêu chủ động bằng động lực.					

TT	Sản phẩm, dịch vụ	Đơn vị tính	Giá tối đa			
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Sông Mã đề nghị
4	Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ thì mức giá bằng 50% trường hợp tưới, tiêu chủ động bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ.					
5	Trường hợp lợi dụng thủy triều để tưới, tiêu thì mức giá bằng 70% mức giá tưới, tiêu bằng trọng lực.					
6	Trường hợp phải tạo nguồn từ bậc 2 trở lên đối với các công trình được xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, mức giá được tính tăng thêm 20% so với mức giá quy định.					
7	Trường hợp phải tách riêng mức giá cho tưới, tiêu trên cùng một diện tích thì mức giá cho tưới được tính bằng 70%, cho tiêu được tính bằng 30% mức giá.					
VII	Tiêu, thoát nước khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị mức giá bằng 5% mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi của tưới tiêu đối với đất lúa.					

2. Đối với sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác

STT	Loại hình sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Đơn vị tính	Khung giá (chưa bao gồm thuế GTGT)		
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị
1	Cấp nước cho sinh hoạt và công nghiệp bằng biện pháp động lực	đồng/m ³	2.102 - 2.226		2.102 - 2.226
2	Cấp nước sinh hoạt và công nghiệp bằng biện pháp trọng lực	đồng/m ³	1.146 - 1.182	1.146 - 1.182	
3	Kết hợp phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8,5% - 8,7%	8,5% - 8,7%	
4	Cho thuê mặt nước để nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi	% giá trị sản lượng nuôi trồng thủy sản	8,9% - 9,2%	8,9% - 9,2%	

STT	Loại hình sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác	Đơn vị tính	Khung giá (chưa bao gồm thuế GTGT)		
			UBND tỉnh Thanh Hóa đề nghị	Công ty TNHH MTV Sông Chu đề nghị	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Sông Mã đề nghị
5	Kinh doanh, du lịch và các hoạt động vui chơi giải trí khác	% doanh thu	11,9% - 12,3%	11,9% - 12,3%	

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi tỉnh Thanh Hóa năm 2021 gửi Bộ Tài chính quy định và thông báo bằng văn bản giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định hiện hành của pháp luật về giá.

Hồ sơ Ủy ban nhân dân tỉnh gửi kèm:

- Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tài chính;
- Hồ sơ phương án giá của Công ty TNHH một thành viên Sông Chu, công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Bắc Sông Mã và công ty TNHH một thành viên Thủy lợi Nam sông Mã.

(Công văn này thay thế Công văn số 4171/UBND-KTTC ngày 06/4/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KTTC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**